TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/DS-PT
Ngày 29- 03 - 2023
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hạivề tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 29 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Trần Thị S (tên gọi khác: X), sinh năm 1953

Địa chỉ: Ấp A, xã Phong Thạnh T, Thị xã G, tỉnh Bạc Liêu;

- Ông Trần Văn B, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp C, xã Ấp C, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau;

- Ông Bùi Văn T, sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp B, xã Phong Thạnh T1, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu;

- Ông Võ Văn T1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp B, xã Phong Thạnh T1, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu;

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp C, xã Ấp C, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau;

- Ông Lê Văn B, sinh năm 1950 (chết ngày 06/02/2022)

Địa chỉ: Ấp C, xã Ấp C, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B:

- Bà Võ Thị H, sinh năm 1954

- Bà Lê Thị C, sinh năm 1976

- Ông Lê Văn T2, sinh năm 1977

- Ông Lê Văn T3, sinh năm 1981

- Ông Lê Văn D, sinh năm 1984

- Ông Lê Văn V, sinh năm 1984

- Bà Lê Thị X, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Ấp C, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau;

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp B, xã Ấp C, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Lê Văn B: Ông Phan Văn S, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Long T, thị trấn Phước L, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân T

Địa chỉ: Số 05, đường Nguyễn Tất T, Khóm 6, Phường D, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu D – Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

(Ông S có mặt, ông D có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị S yêu cầu Ủy ban nhân dân T bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 25.920m^2 với số tiền 1.555.200.000 đồng và bồi thường số tiền 600.000.000 đồng đối với thiệt hại về hoa lợi trên đất trong thời gian 30 năm không sử dụng được đất. Do Ủy ban nhân dân T đã giao diện

tích đất 25.920 m^2 tọa lạc ấp 4 (nay là ấp 9), xã Phong Thạnh T1, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu cho Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L), gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S.

Quyền sử dụng đất đối với diện tích 25.920m^2 nêu trên của bà S có nguồn gốc là do cha của bà S là ông Trần Văn T4 khai phá trước năm 1965, đến năm 1975 ông T cho lại bà S, bà S sử dụng đến năm 1990 -1991 thì bị Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L) chiếm, không hỗ trợ bồi thường theo quy định pháp luật.

- Ông Trần Văn B yêu cầu Ủy ban nhân dân T bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 25.920m^2 với số tiền 1.555.290.000 đồng và bồi thường số tiền 900.000.000 đồng đối với thiệt hại về hoa lợi trên đất trong thời gian 30 năm không sử dụng được đất. Do Ủy ban nhân dân T đã giao diện tích đất 25.920 m^2 tọa lạc ấp 4 (nay là ấp 9), xã Phong Thạnh T1, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu cho Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L), gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B.

Quyền sử dụng đất đối với diện tích 25.920m^2 nêu trên của ông B có nguồn gốc là do cha của ông B là ông Trần Tấn P khai phá trước năm 1965, đến năm 1989-1990 ông P cho lại ông B, ông B sử dụng đến năm 1990 -1991 thì bị Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L) chiếm, không hỗ trợ bồi thường theo quy định pháp luật.

- Ông Bùi Văn T yêu cầu Ủy ban nhân dân T bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 52.500m^2 với số tiền 3.150.000.000 đồng và bồi thường số tiền 1.200.000.000 đồng đối với thiệt hại về hoa lợi trên đất trong thời gian 30 năm không sử dụng được đất. Do Ủy ban nhân dân T đã giao diện tích đất 52.500 m^2 tọa lạc ấp 4 (nay là ấp 9), xã Phong Thạnh T1, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu cho Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L), gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T.

Quyền sử dụng đất đối với diện tích 52.500m^2 nêu trên của ông T có nguồn gốc là do cha của ông T là ông Bùi Văn B khai phá trước năm 1965, đến năm 1968-1969 ông B cho lại ông T, đến năm 1969-1970 phải chạy loạn, đến năm 1975 ông T về lại phần đất trên sử dụng đến 1991 thì bị Công an huyện Hồng D (nay là Công an huyện Phước L) chiếm, không hỗ trợ bồi thường theo quy định pháp luật.

- Ông Lê Văn B yêu cầu Ủy ban nhân dân T bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 38.880m^2 với số tiền 1.800.000.000 đồng và bồi thường số tiền 900.000.000 đồng đối với thiệt hại về hoa lợi trên đất trong thời gian 30 năm không sử dụng được đất. Do Ủy ban nhân dân T đã giao diện tích đất 38.880 m^2 tọa lạc ấp 4 (nay là ấp 9), xã Phong Thạnh T1, huyện Phước

L, tỉnh Bạc Liêu cho Công an huyện Hồng D (nay là Công an huyện Phước L), gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B.

Quyền sử dụng đất đối với diện tích 38.880m^2 nêu trên của ông B có nguồn gốc là do cha của ông B là ông Lê Văn T khai phá từ năm 1968-1969, đến năm 1991 thì bị Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L) chiếm, không hỗ trợ bồi thường theo quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H yêu cầu Ủy ban nhân dân T bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 25.920m^2 với số tiền 1.555.290.000 đồng và bồi thường số tiền 600.000.000 đồng đối với thiệt hại về hoa lợi trên đất trong thời gian 30 năm không sử dụng được đất. Do Ủy ban nhân dân T đã giao diện tích đất 25.920 m^2 tọa lạc ấp 4 (nay là ấp 9), xã Phong Thạnh T1, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu cho Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L), gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M và bà H.

Quyền sử dụng đất đối với diện tích 25.920m^2 nêu trên của ông M, bà H có nguồn gốc là do cha của bà H là ông Trần Văn T khai phá năm 1965, đến năm 1980 ông T cho lại ông M và bà H, ông M, bà H sử dụng đến năm 1991 thì bị Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L) chiếm, không hỗ trợ bồi thường theo quy định pháp luật.

- Ông Võ Văn T1 yêu cầu Ủy ban nhân dân T bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 27.216m^2 với số tiền 1.632.960.000 đồng và bồi thường số tiền 630.000.000 đồng đối với thiệt hại về hoa lợi trên đất trong thời gian 30 năm không sử dụng được đất. Do Ủy ban nhân dân T đã giao diện tích đất 27.216 m^2 tọa lạc ấp 4 (nay là ấp 9), xã Phong Thạnh T1, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu cho Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L), gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T1.

Quyền sử dụng đất đối với diện tích 27.216m^2 nêu trên của ông T1 có nguồn gốc là do cha của ông T1 là ông Võ Thành X khai phá trước năm 1965, ông X sử dụng đến năm 1991 thì bị Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L) chiếm, không hỗ trợ bồi thường theo quy định pháp luật.

Ngày 09/11/1995 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh M (nay là tỉnh T) ra quyết định số 535/UBND giao toàn bộ các phần đất trên và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L).

Tất cả những người sử dụng đất nêu trên đã làm đơn yêu cầu đòi lại đất gửi đến các cơ quan chức năng, đến ngày 01/11/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T có văn bản số 4904/UBND-NC trả lời đơn khiếu nại về việc đòi lại đất với nội dung là các hộ dân trên đòi lại đất là không có căn cứ.

Bị đơn Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày theo văn bản số 236/UBND-NC ngày 06/7/2022:

Từ khoảng năm 1965-1969, toàn bộ khu đất nhà nước giao cho Công an huyện H, nay là Công an huyện Phước L là đất hoang, chỉ có một số hộ dân đến khoét lõm trồng lúa nhưng không ổn định, diện tích không xác định cụ thể. Từ năm 1969-1975 vùng đất này bỏ hoang hoàn toàn vì thời điểm này địch dồn dân, lập ấp chiến lược. Sau ngày 30/4/1975 đến năm 1984, toàn bộ khu vực này vẫn là đất hoang hóa, không ai sử dụng.

Đến khoảng năm 1985, ông Nguyễn Văn T5, ông Trịnh Văn X1, ông Trịnh Văn K có làm "Đơn xin mở đất hoang" được Ban nhân dân ấp, Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Sau đó, 03 hộ này khai phá và sử dụng đất.

Ngày 08/4/1986, do có nhu cầu sản xuất tự túc nhằm cải thiện đời sống cán bộ chiến sỹ, nên Ban chỉ huy Công an huyện H xin chủ trương và được sự thống nhất của huyện ủy và ủy ban nhân dân huyện H cho phép Công an huyện H khảo sát vùng đất hoang hóa, diện tích khoảng 150ha thuộc xã Phong D, huyện H, nay là xã Phong Thạnh T1, huyện Phước L, để thành lập Nông trường Công an huyện H.

Sau đó, Công an huyện H đã tiến hành cặm ranh để xác định vị trí, diện tích đất Nông trường và đưa lực lượng tiến hành đào bờ bao xung quanh.

Ngày 10/5/1988, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1668 QĐ/UB về việc giao đất cho Công an huyện H sử dụng vào mục đích thành lập Nông trường nuôi tôm tại ấp M, xã Phong D, huyện H (nay là ấp 9, xã Phong Thạnh T1, huyện Phước L) với diện tích 150ha.

Trong năm 1991, Công an huyện H hợp đồng cho ông Nguyễn Văn Y, Trần Văn D thuê đất Nông trường với thỏa thuận là 5,2 tấn tôm bạc sáu/150ha/năm. Sau đó, ông D, ông Y hợp đồng cho các hộ dân khác thuê lại để thu lợi nhuận, theo thỏa thuận là 4kg tôm bạc sáu/1000m^2. Trong thời gian thuê đất, ông Y, ông D không thu được tôm theo thỏa thuận từ các hộ dân nên 02 ông không thực hiện đúng hợp đồng với Công an huyện H. Vì vậy, đến năm 1992 Công an huyện lấy lại đất và trực tiếp giao khoán cho các hộ dân thuê nhưng từ sau năm 2000, họ không thực hiện theo hợp đồng và chiếm sử dụng cho đến nay.

Ngày 09/11/1995, Ủy ban nhân dân tỉnh M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công an huyện H với diện tích 1.521.500m^2, mục đích là nuôi tôm, thời hạn sử dụng là 20 năm theo quyết định số 535QĐ/UB ngày 09/11/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh M.

Quá trình chiếm dụng đất của các đồng nguyên đơn:

Vào khoảng năm 1989, 08 hộ dân gồm hộ ông Hứa Văn T, ông Trần Tấn P, ông Bùi Văn T, ông Võ Văn S, ông Nguyễn Văn M và ông Lê Văn B vào khu vực đất Nông trường bao chiếm, sử dụng đất. Công an huyện H đã mời làm việc

nhiều lần nhưng họ không chấp hành. Đến năm 1990 Ủy ban nhân dân huyện H có quyết định xử lý 03 trường hợp là ông Nguyễn Văn M, ông Bùi Văn T, ông Lê Văn B về hành vi "bao lấn chiếm đất đai trái phép", với hình thức là buộc tập trung cải tạo không giam giữ trong thời gian là 07 ngày, nhưng sau đó họ tiếp tục bao chiếm, sử dụng đất trong Nông trường Công an.

Ngày 19/12/1990, Công an huyện H có Tờ trình xin thuê phương tiện xáng múc để làm đường kênh dẫn nước. Đến năm 1991, khi Công an huyện H đưa xáng vào múc đường kênh đi qua phần đất các hộ dân đang lấn chiếm sử dụng thì họ ngăn cản, chống đối quyết liệt. Công an huyện H đã khởi tố và bắt tạm giam 03 trường hợp là ông Nguyễn Văn M, ông Bùi Văn T, ông Lê Văn B về tội "Vi phạm các quy định về quản lý đất và bảo vệ đất đai" theo Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1985. Đến ngày 22/5/1991 Tòa án nhân dân huyện H tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án đối với 03 bị cáo nêu trên, áp dụng khoản 1 Điều 180; Điều 22 Bộ luật Hình sự năm 1985 phạt 03 tháng tù giam, các bị cáo không kháng cáo.

Ngày 31/5/2010 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phước L ban hành các Công văn số 58, 59, 60, 61, 62, 65 về việc trả lời đơn cho các hộ dân yêu cầu đòi lại đất với nội dung: "Yêu cầu của các hộ dân không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì phần đất trên nhà nước đã giao cho tổ chức sử dụng ổn định từ trước cho đến nay". Các hộ dân không đồng ý, tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh T. Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh T đã chỉ đạo các ngành chức năng tiếp tục thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để kiểm tra, xác minh, đối thoại với các hộ dân nhiều lần nhưng không phát sinh thêm tình tiết, chứng cứ mới. Từ đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Công văn số 4904/UBND-BC ngày 01/11/2019 về việc trả lời đơn khiếu nại của các hộ dân nêu trên, nội dung là các hộ dân trên đòi lại đất là không có căn cứ.

Như vậy, cơ quan có thẩm quyền cũng như Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T không có nghĩa vụ, trách nhiệm phải bồi thường cho các hộ dân là nguyên đơn trong vụ án.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.155.200.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.455.290.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 4.350.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.700.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.155.290.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T1 đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.262.960.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 08 năm 2022, bà Trần Thị S, ông Trần Văn B, ông Bùi Văn T, ông Lê Văn B (bà Võ Thị H kháng cáo), ông Nguyễn Văn M, ông Võ Văn T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện các đồng nguyên đơn (đối với ông Lê Văn B thì do bà Võ Thị H kháng cáo) giữ nguyên kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của các đồng nguyên đơn nộp trong hạn luật định. Căn cứ vào Điều 273; Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Đại diện bị đơn có đơn yêu cầu xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét kháng cáo của các đồng nguyên đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và bồi thường số tiền đối với thiệt hại về hoa lợi trên đất trong thời gian 30 năm không sử dụng được đất. Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh M (nay là tỉnh T) đã giao đất tại ấp 9 , xã Phong Thạnh T1, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu của họ cho Công an huyện H (nay là Công an huyện Phước L), gây ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Cụ thể:

Bà Trần Thị S yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.155.200.000 đồng.

Ông Trần Văn B yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.455.290.000 đồng.

Ông Bùi Văn T yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 4.350.000.000 đồng.

Ông Lê Văn B yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.700.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.155.290.000 đồng.

Ông Võ Văn T1 việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.262.960.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng :

Quyết định số 535-QĐ/UB ngày 09/11/1995 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh M V/v giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cho phòng Công an huyện H, diện tích 1.521.500m^2 tại ấp 9B, xã Phong Thạnh N, huyện H; nguồn gốc đất là Ủy ban nhân dân huyện H giao vùng đất hoang cho phòng Công an sử dụng theo quyết định số 1668/QĐUB ngày 10/5/1988;

Quyết định số 4904/UBND-NC ngày 01/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh T V/v trả lời đơn khiếu nại của 08 hộ dân đòi lại đất thuộc "Nông công Công an", với nội dung: Ngày 31/5/2010 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phước L ban hành công văn từ số 58/UBND đến số 65/UBND, về việc trả lời đơn cho 08 hộ dân yêu cầu đòi lại đất, với cùng nội dung "yêu cầu của các hộ dân không có cơ sở xem xét giải quyết, vì phần đất trên nhà nước đã giao cho tổ chức sử dụng ổn định từ trước đến nay". Các hộ dân không đồng ý và tiếp tục khiếu nại. Căn cứ Khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định "Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa, chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền

nam Việt Nam và Nước cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam" thì khiếu nại của các hộ dân không có cơ sở xem xét.

Quyết định số 19, 21, 22, 23, 24 ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc "khiếu kiện quyết định Hnh chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai" liên quan đến Công văn số 4904/UBND-NC ngày 01/11/2019 và Quyết định số 535/QĐ-UB ngày 09/11/1995. Lý do đình chỉ: Phần đất ông Nguyễn Văn M, ông Lê Văn B, bà Trần Thị S, ông Trần Văn B, ông Võ Thành X (ông Võ Văn S) đòi lại thuộc quyền sử dụng của Nông trường Công an nên Công văn số 4904/UBND-NC ngày 01/11/2019 xem xét, giải quyết nại của ông M, ông B, bà S, ông B, ông X và Quyết định số 535/QĐ-UB ngày 09/11/1995 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh M (nay là tỉnh T) liên quan đến đất thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh theo quy định tại khoản 21 Điều 4 Nghị định số 49/2012/NĐ-CP ngày 04/6/2012 của Chính phủ. Công văn số 4904/UBND-NC ngày 01/11/2019 và Quyết định số 535/QĐ-UB ngày 09/11/1995 mà ông M, ông B, bà S, ông B, ông X khởi kiện không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định pháp luật.

Đơn yêu cầu ngày 29/5/1990, người đứng đơn ông Hứa Văn T, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Văn M, ông Bùi Văn T, có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn T, Bí thư ấp 4. Nội dung xác nhận như sau: "Theo đơn yêu cầu của bốn hộ vào năm 1965 có mở khu vực đất canh tác nông nghiệp là 16ha. Sau thời gian bình định có bỏ hóa, đến năm 1975 tiếp tục canh tác lại đến năm 1984 bị nước mặn hiện đã chuyển qua nuôi tôm là đúng. Chuyển đến UB xã xem xét giúp đỡ cho bốn hộ. Hiện đời sống đang gặp khó khăn không có vốn và cũng không có thổ cư để ở là đúng. Ấp 4, ngày 30/05/1990".

Tài liệu trong hồ sơ thể hiện toàn bộ phần đất giao cho Công an huyện H là tại ấp 9B, xã Phong Thạnh N, huyện H, không phải là ấp 4. Nhưng ông Nguyễn Văn T xác nhận các nguyên đơn có có canh tác, sử dụng đất tại ấp 9B vào đơn yêu cầu của các nguyên đơn với tư cách là thay mặt ban nhân dân ấp 4. Cho nên, lời xác nhận của Nguyễn Văn T theo các đơn yêu cầu, đơn xác nhận nêu trên không đủ căn cứ xác định phần đất giao cho Công an huyện H là thuộc quyền sử dụng của các nguyên đơn.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*.

...

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc."

Như vậy, trong vụ án này, các nguyên đơn không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh quyền sử dụng đất mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh M giao cho Công an huyện H là đất thuộc quyền sử dụng của các đồng nguyên đơn, nên không có căn cứ xác định có thiệt hại xảy ra trên thực tế, không phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Ủy ban nhân dân tỉnh T. Mặt khác, quyết định giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công an huyện H là Chủ tịch Ủy ban nhân dân nhưng nay các nguyên đơn lại yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường là không phù hợp.

Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đồng nguyên đơn; Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Giữ nguyên Bản án số 94/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về án phí:

Ông Võ Văn T1 là hộ cận nghèo; bà Trần Thị S, bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị H, ông Bùi Văn T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Trần Văn B phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị S, ông Trần Văn B, ông Bùi Văn T, ông Lê Văn B (bà Võ Thị H kháng cáo), ông Nguyễn Văn M, ông Võ Văn T1 ; Giữ nguyên Bản án số 94/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.155.200.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.455.290.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 4.350.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B đối với Ủy ban nhân dân T2 Bạc Liêu về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân T2 Bạc Liêu bồi tH thiệt hại về tài sản số tiền 2.700.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.155.290.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T1 đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh T bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.262.960.000 đồng.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn T1; bà Trần Thị S, ông Lê Văn B, ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị H, ông Bùi Văn T được miễn nộp án phí. Ông T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 38.629.600 đồng theo biên lai thu số 0007184 ngày 13/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, được hoàn lại toàn bộ.

Ông Trần Văn B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 81.105.800 đồng. Ông B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 37.552.900 đồng theo biên lai thu số 0007185 ngày 13/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, đối trừ tiền án phí ông B còn phải nộp tiếp số tiền 43.552.900 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Văn T1; bà Trần Thị S, bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị H, ông Bùi Văn T được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Trần Văn B phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Ông B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007824 ngày 24/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND thành phố Bạc Liêu (01 bản);
- CCTHADS thành phố Bạc Liêu (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Trần Quỳnh Phương